

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HSST

Ngày 10- 06- 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trường;

Bà Lê Thị Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 09- 04- 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXX-ST- HS ngày 04- 05- 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị H1, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1971; nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ; trình độ học vấn: lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Trần Văn Á1 (đã chết); họ tên mẹ: Trần Thị T4 (đã chết); họ tên chồng: Đàm Duy C1 (đã chết); có 02 con (Con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1997); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 004 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 04- 01- 2020. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03- 01- 2020 đến ngày 10- 01- 2020; hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người làm chứng:

(1). Chị Lò Thị H2, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu Đ2, thị trấn A1, huyện S1, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

(2). Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn T6, xã N1, huyện N2, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

(3). Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Xóm xxx, xã T 7, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(4). Anh Vũ Thế V2, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Tổ xxx, phường H3, thành phố T8, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(5). Ông Bùi Thọ N3, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(6). Chị Phùng Thị H4, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn Đ3, xã T9, huyện T10, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

(7). Ông Phạm Văn K1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn B1, xã Đ4, huyện Q1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo H1 được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể, ngành nghề: “Dịch vụ tắm quất cô truyền”. Từ ngày 01- 10- 2017, bị cáo thuê nhà của ông N3 ở thôn Đ1, xã T3 để ở và kinh doanh tắm quất. Ngày 02- 01- 2020, khi chị H2, chị T5 đến xin làm nhân viên tắm quất thì bị cáo đồng ý nhận hai chị. Sau đó, bị cáo và các chị đã thỏa thuận: Khi có khách yêu cầu mua dâm thì các chị sẽ bán dâm cho khách, bị cáo thu tiền 200.000đồng/khách; số tiền này chia đôi. Hồi 18 giờ 30 phút ngày 03- 01- 2020, nhóm anh L1, anh V2 đến quán bị cáo để mua dâm. Anh L1 là người đứng ra giao dịch với bị cáo và trả số tiền 400.000đồng cho 2 người mua dâm. Bị cáo nhận tiền rồi bảo chị T5 đưa anh L1 vào gian phòng thứ nhất đã có chị H2 chờ; sau đó chị T5 cùng anh V2 vào gian phòng thứ hai. Đến 18 giờ 45 phút cùng ngày, khi anh L1 đang quan hệ tình dục với chị H2; anh V2 đang quan hệ tình dục với chị T5 thì bị tổ công tác thuộc Phòng Hình sự thuộc Công an tỉnh Thái Bình tiến hành kiểm tra địa điểm kinh doanh của bị cáo; đã bắt quả tang có hai đôi nam nữ đang quan hệ tình dục tại các ngăn phòng số 1 và 2.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Lời khai của người mua dâm là anh L1, anh V2; của người bán dâm là chị H2, chị T5 và lời khai của người làm chứng là ông K1, chị H4 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su chưa sử dụng; 02 quần lót nữ; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08- 04- 2020.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Bị cáo kinh doanh tắm quất tại thôn Đ1, xã T3. Ngày 02- 01- 2020, bị cáo đã nhận chị H1, chị T5 làm nhân viên của mình. Bị cáo và hai chị đã bàn nhau: Khi có khách đến mua dâm thì hai chị bán dâm cho khách, bị cáo thu tiền 200.000đồng/lượt; gái bán dâm nhận 100.000đồng; được ăn ngủ tại nhà bị cáo. Hồi 18 giờ 30 phút ngày 03- 01- 2020, nhóm anh L1, anh V2 đến quán hỏi mua dâm; anh L1 đưa cho bị cáo 400.000đồng trả tiền mua dâm của 2 anh. Bị cáo nhận tiền rồi bảo chị T5 đưa hai anh vào ngăn phòng thứ nhất, thứ hai để quan hệ với chị H2, chị T5. Đến 18 giờ 45 phút cùng ngày, khi hai đôi đang quan hệ tình dục thì bị bắt.

Những người bán dâm là chị H2, chị T5 trình bày: Các chị đến làm việc cho bị cáo từ ngày 02- 01- 2020. Bị cáo và hai chị đã bàn nhau: Hai chị sẽ bán

dâm khi khách yêu cầu, bị cáo thu tiền 200.000đồng/lượt; các chị được chia một nửa, được ăn ngủ tại nhà bị cáo. Ngày 03- 01- 2020, có một nhóm hai khách đến mua dâm, một người đứng ra giao dịch và trả tiền cho hai người. Sau đó, các chị đang quan hệ tình dục với khách thì bị bắt.

Những người mua dâm là anh L1, anh V2 trình bày: Ngày 03- 01- 2020, các anh đến quán tắm quất của bị cáo; anh L1 là người giao dịch và trả tiền cho hai người. Sau khi nhận tiền, bị cáo điều động hai gái bán dâm cho hai anh; khi các anh đang quan hệ tình dục với gái bán dâm thì bị bắt.

Người làm chứng là ông K1, chị H4 trình bày: Chị H4 đang tắm quất cho ông K1 tại ngăn phòng số 3 thì họ thấy có hai đôi nam nữ vào ngăn phòng số 1, 2 quan hệ tình dục; sau đó Công an đến bắt quả tang.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSTT ngày 08- 04- 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Căn cứ: Khoản 1, 5 Điều 327; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự; Kiểm sát viên đề nghị:

-Tuyên bố bị cáo phạm tội “Chứa mại dâm”; xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng; phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng; tịch thu nộp ngân sách số tiền 400.000đồng; tiêu hủy vật chứng khác; bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Chị H2, chị T5 là nhân viên quán tắm quất do bị cáo làm chủ; bị cáo và hai chị đã thỏa thuận về việc hai chị bán dâm, số tiền bị cáo thu của khách mua dâm, số tiền chia nhau. Hồi 18 giờ 30 phút ngày 03- 01- 2020, một nhóm có hai người khách là anh L1, anh V2 đến mua dâm; một anh giao dịch và thanh toán tiền mua dâm 400.000đồng cho hai anh. Bị cáo thu tiền, bố trí chị H1, chị T5 bán dâm cho hai anh tại hai ngăn phòng số 1 và 2. Sau đó, bị Công an bắt quả tang. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những

người mua bán dâm, với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi xâm phạm an toàn công cộng với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo chứa mại dâm cùng một khoảng thời gian cho một nhóm có hai người cùng đến mua dâm trong đó có một người đứng ra giao dịch, thanh toán tiền. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “Chứa mại dâm”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 327. Tội chứa mại dâm:

1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo thành khẩn khai báo; tại phiên tòa ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã thực hiện hành vi phạm tội; động cơ vì tư lợi. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 327; Điểm e khoản 2 Điều 32, Khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: - Số tiền 400.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền do phạm tội mà có; cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Vật chứng là 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su chưa sử dụng; 02 quần lót nữ; cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về các vấn đề khác của vụ án: Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với những người mua bán dâm là anh Phạm Văn L1, anh Vũ Thế V2, chị Lò Thị H2, chị Nguyễn Thị T5.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H1 phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 327; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

-Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Thị H1: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 03 (Ba) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10 tháng 06 năm 2020. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 5.000.000, đồng (Năm triệu đồng).

3. Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1. -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2. Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08- 04- 2020 được xử lý như sau:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 400.000 đồng thu giữ từ bị cáo.
- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su chưa sử dụng; 02 quần lót nữ.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng